

Tôi và anh T tự nguyện đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 11, quận G, Thành phố H vào ngày 08/01/2019. Quá trình chung sống thời gian một năm đầu chung sống rất hòa thuận nhưng hạnh phúc gia đình kéo dài đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp và anh T không chăm lo cho gia đình đi sớm về khuya

do anh T nghiện chơi Game, mê phim hoạt hình nên không giúp đỡ gì cho tôi trong lúc tôi mang thai và sau khi sinh con. Tôi và anh T đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay và hiện nay anh T về nhà mẹ ruột ở không còn chung sống với tôi. Anh T thường xuyên nhắn tin và gọi điện cố ý xúc phạm danh dự tôi và gia đình tôi gây áp lực tâm lý nặng nề cho tôi lúc tôi mới sinh được 4 tháng. Ba má ruột anh T sang nhà cha mẹ tôi chửi bới nhục mạ nhiều lần. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để sớm ổn định cuộc sống.

-Về con chung: Tôi và anh T có 01 con chung tên V, sinh ngày 21/9/2020. Tôi yêu cầu nuôi dưỡng trẻ V đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị L tự khai không có

-Ngày 05/4/2021, chị L đã có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Bị đơn anh T trình bày tại bản tự khai ngày 27/4/2021:

Tôi và chị L tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 11 quận G, Thành phố H vào ngày 08/01/2019. Hạnh phúc gia đình ban đầu mới cưới có hạnh phúc nhưng kể từ tháng 9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tôi không chu cấp tiền bạc nhiều vì dịch Covid19 tác động. Ngoài ra còn một số lý do khác như chị L hỗn láo với cha mẹ chồng và không cho tôi gần con đẻ của mình và chị L không lo phụ giúp cho chồng và cha mẹ chồng. Tôi đã ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý vì tôi còn thương vợ con.

-Về con chung: Tôi và chị L có 01 con chung tên V, sinh ngày 21/9/2020. Tôi không đồng ý để chị L nuôi con và tôi muốn nuôi con vì do điều kiện gia đình tốt hơn và chị L phải về làm dâu đúng bổn phận của mình.

-Về tài sản chung, nợ chung : Không có

-Về tài riêng trong thời kỳ hôn nhân : Không có

-Về tài sản riêng trước thời kỳ hôn nhân : Có (kèm bản đơn yêu cầu phản tố)

-Ngày 30/11/2021 anh T có làm đơn yêu cầu phản tố (Đến Tòa án ngày 01/12/2021) .

- Ngày 27/12/2021 Tòa án ra thông báo yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn yêu cầu phản tố đã tổng đạt cho anh T và Tòa án mời anh T 03 lần nhưng anh T không đến để bổ sung theo thông báo số 47/2021/TB-TA ngày 27/12/2021.

-Tại biên bản hòa giải ngày 21/5/2021, chị L và anh T trình bày và thống nhất khai về tài sản chung, nợ chung : Không có và không thống nhất việc ly hôn và chị L cùng anh T đều có yêu cầu nuôi dưỡng con chung.

-Tại biên bản hòa giải ngày 03/12/2021, chị L và anh T thống nhất giao trẻ V, sinh ngày 21/9/2020 cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; chị L và anh T không thống nhất việc ly hôn và anh T yêu cầu chia tài sản là 01 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

nhưng anh T cam kết sau 15 ngày nếu anh T không nộp đơn thì xem như anh T không yêu cầu chia tài sản chung.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của anh T tại địa chỉ số 5 đường Q, phường M, quận G, Thành phố H và Công an phường M, quận G trả lời xác minh: “Đương sự V, sinh năm 1990 có hộ khẩu thường trú tại 5 Q, phường 10, quận G, Thành phố H và đương sự T đang sinh sống tại nhà mẹ ruột địa chỉ 5 đường Q, phường M, quận G, Thành phố H”

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được việc giải quyết vụ án do đó Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

**Tại phiên tòa hôm nay:*

-Chị L có đơn xin vắng mặt tuy nhiên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T để chị sớm ổn định cuộc sống.

-Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên V, sinh ngày 21/9/2020. Chị L yêu cầu nuôi dưỡng trẻ V đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung : Chị L tự khai không có .

Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

**Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị:*

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao trẻ V, sinh ngày 21/9/2020 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Chị L rút yêu cầu cấp dưỡng nên đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét

- Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị L khởi kiện bị đơn anh T đang cư ngụ tại số 5 đường Q, phường 10, quận G, Thành phố H. Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 25/5/2022, chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc đột xuất không thể tham gia phiên tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

*Về yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05 do Ủy ban nhân dân phường 11 quận G cấp cho chị L và anh T vào ngày 08 tháng 01 năm 2019 thì hôn nhân của chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Chị L xin ly hôn với anh T vì chị cho rằng giữa chị và anh T có mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp. Mặt khác, chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Do đó chị L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ bản tự khai ngày 05/4/2021 và đơn trình bày quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn ngày 05/4/2021, chị L yêu cầu ly hôn với anh T vì chị cho rằng giữa chị và anh T mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, anh T không chăm lo cho gia đình đi sớm về khuya do anh T nghiện chơi Game, mê phim hoạt hình nên không giúp đỡ gì cho chị trong lúc chị mang thai và sau khi sinh con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh T đã nhiều lần ngồi lại với nhau để hàn gắn nhưng không có kết quả. Mặt khác chị và anh T đã ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay.

-Tại bản tự khai ngày 09/8/2018 anh T cũng thừa nhận “Hạnh phúc gia đình ban đầu mới cưới có hạnh phúc nhưng kể từ tháng 9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T không chu cấp tiền bạc nhiều vì dịch Covid19 tác động. Ngoài ra còn một số lý do khác như chị L hỗn láo với cha mẹ chồng và không cho tôi gần gũi con đẻ của mình và chị L không lo phụ giúp cho chồng và cha mẹ chồng. Anh đã ly thân với chị L từ tháng 3/2020 cho đến nay.”

-Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 25/3/2022 của Tòa án và Hội liên hiệp Phụ nữ Phường 11, quận G, Thành phố H thì được biết : “Hai vợ chồng chị L và anh T mâu thuẫn từ đầu năm 2020. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T không chăm sóc vợ con. Hai vợ chồng ngầm ngầm mâu thuẫn. Khi chị L mang thai anh T không chăm sóc, anh T không đưa vợ đi sinh và cũng không

chăm sóc vợ trong bệnh viện.... Đầu năm 2021 anh T về nhà cha mẹ ruột và hiện nay anh T không còn sống chung với chị L tại nhà số 5 đường Q, Phường 11, quận G từ tháng 01/2021 cho đến nay”.

-Căn cứ theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Chị L và anh T hiện nay không còn sống chung với nhau, đã ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Mặt khác anh T chỉ đến Tòa án làm bản tự khai và 2 lần hòa giải nhưng sau đó cũng không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ gia đình và giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình mặc dù anh T không đồng ý ly hôn với chị L. Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình yêu thương giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp và chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu nhưng cả hai không có hướng khắc phục để giải tỏa mâu thuẫn, dẫn đến ngày càng gay gắt hơn. Cả hai không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã hàn gắn nhưng không thành.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa chị L và anh T không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì “Tòa án giải quyết cho ly hôn ...nếu có căn cứ về việc vợ chồng vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng ...mục đích hôn nhân không đạt được...” do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L ly hôn với anh T

*Xét yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị L đối với trẻ V, sinh ngày 21/9/2020

- Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 25/3/2022 của Tòa án và Hội liên hiệp Phụ nữ Phường 11, quận G, Thành phố H thì được biết : “...Hiện nay chị L đang trực tiếp nuôi cháu V, cháu V hiện nay phát triển tốt. Nếu chị L và anh T ly hôn thì nên giao bé V cho mẹ trực tiếp nuôi để đảm bảo cuộc sống ổn định để cháu phát triển tốt .”

- Tính đến nay bé V mới có hơn 20 tháng chưa đủ 3 tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ để trẻ V phát triển bình thường. Vì vậy, yêu cầu nuôi con của chị L là hoàn toàn chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ phát triển.

-Tại biên bản hòa giải ngày 03/12/2021, chị L và anh T thống nhất giao trẻ V, sinh ngày 21/9/2020 cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu nuôi con của chị L là hoàn toàn chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ phát triển bình thường. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014,

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị L và anh T giao con chung trẻ V, sinh ngày 21/9/2020 cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về việc chị L rút đơn cấp dưỡng nuôi con ngày 05/4/2021:

-Tại đơn khởi kiện chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tuy nhiên ngày 05/4/2021, chị L làm đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện này. Xét việc chị L rút một phần yêu cầu này là tự nguyện không trái pháp luật. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi trẻ V mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Do chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T, cho đến khi chị L có yêu cầu.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:

- Căn cứ bản tự khai ngày 05/4/2021, Chị L khai tài sản chung, nợ chung không có ;

-Căn cứ bản tự khai ngày 27/4/2021, anh T khai tài sản chung, nợ chung không có ;

-Căn cứ biên bản hòa giải ngày 03/12/2021, chị L và anh T thống nhất về nợ chung : Không có

Do anh T và chị L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung, nợ chung của anh T và chị L.

-Đối với việc anh T yêu cầu chia tài sản chung là 01 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ tại biên bản hòa giải ngày 03/12/2021 nhưng anh T cam kết sau 15 ngày nếu anh T không nộp đơn thì xem như anh T không yêu cầu chia tài sản chung cho đến nay anh T không có đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Về yêu cầu đơn phản tố ngày 30/11/2021 của anh T:

Ngày 30/11/2021, anh T có nộp đơn phản tố gửi qua đường bưu điện đến Tòa án ngày 01/12/2021. Anh yêu cầu chị L thanh toán cho anh số tiền 80.000.000 đồng và lãi suất từ sau ngày 13/01/2019; trả lại cho anh vàng và tài sản riêng bao gồm 08 chỉ vàng, trong đó có 6 chỉ vàng 9999 và 02 chỉ vàng 18K; 01 album hình cưới, 04 điện thoại thông minh (2REAL-MEC1-16GB; 1REDMI 7A-32GB; 1REDMI 8A-32GB và 1 cục sạc đôi(QUICKCHARGE3.0)

Ngày 27/12/2021, Tòa án ra thông báo số 47/2021/TB-TA yêu cầu anh T sửa đổi bổ sung đơn yêu cầu phản tố và tổng đạt thông báo trên cho anh T tuy

nhiên Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh T 03 lần đến Tòa để sửa đổi bổ sung đơn yêu cầu phản tố nhưng anh T không đến Tòa án do đó căn cứ Điều 200; Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thủ tục phản tố được thực hiện theo quy định của Bộ luật này về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đơn phản tố ngày 30/11/2021 của anh T và anh T có quyền khởi kiện chị L bằng một vụ án khác theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật khi anh T có yêu cầu.

***Án phí hôn nhân sơ thẩm:**

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0028073 ngày 08/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, do đó chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điều 200; Điều 202; Điều 207; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 212; Điều 246; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị L và anh T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 5 do Ủy ban nhân dân phường 11 quận G cấp cho chị L và anh T vào ngày 08 tháng 01 năm 2019 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên V, sinh ngày 21/9/2020. Giao trẻ V cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này của anh T.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

-Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị L đối với yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi trẻ V mỗi tháng 3.000.000 đồng.

3. Về tài sản chung, nợ chung : Hai bên tự khai không có

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị L chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0028073 ngày 08/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo : Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận GV;
- Chi cục THADS quận GV;
- Ủy ban nhân dân phường 11 quận G, TP.H
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)